

NGHỊ QUYẾT
Về việc dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2020 về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách địa phương); Nghị quyết 81/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai; Nghị quyết 110/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai (vốn trong cân đối theo tiêu chí); Nghị quyết 127/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về

việc điều chỉnh, bổ sung một số dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số 1454/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự kiến về Kế hoạch đầu tư công năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 298/BC-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 tỉnh Gia Lai là 4.446,671 tỷ đồng; giảm 4,1% so với năm 2023; cụ thể:

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương: Dự kiến 2.198,905 tỷ đồng, giảm 8,2% so với năm 2023.

1.1. Vốn trong cân đối theo tiêu chí: Dự kiến 950,334 tỷ đồng, tăng 9,3% so với kế hoạch năm 2023, trong đó:

a. Vốn trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư: Dự kiến 522,334 tỷ đồng, tăng 18,3%:

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 13,7 tỷ đồng, bố trí cho 01 dự án.

- Thực hiện dự án: 508,634 tỷ đồng, bố trí cho 10 dự án chuyển tiếp, 02 dự án khởi công mới, Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương, vốn đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia, hỗ trợ ngân hàng chính sách.

b. Vốn cân đối ngân sách tỉnh phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố đầu tư là 428 tỷ đồng.

1.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.083,571 tỷ đồng, giảm 19,7% so với năm 2023, trong đó:

a. Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư: Dự kiến là 324,407 tỷ đồng phân bổ cho 10 dự án chuyển tiếp, đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia; xử lý huy thu nguồn tiền sử dụng đất.

b. Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố đầu tư: 759,164 tỷ đồng.

1.3. Vốn xổ số kiến thiết: 165 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2023; phân bổ cho 01 dự án chuyển tiếp, 04 dự án khởi công mới, đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Nguồn vốn ngân sách trung ương: Dự kiến 2.247,766 tỷ đồng, tăng 0,4% so với năm 2023:

2.1. Vốn trong nước (các ngành, lĩnh vực, chương trình): 2.214,373 tỷ đồng, giảm 1,1% so với năm 2023, trong đó:

- Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 1.375,373 tỷ đồng, bố trí 21 dự án chuyển tiếp và 04 dự án khởi công mới.

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 839 tỷ đồng:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 436 tỷ đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 66 tỷ đồng;

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 337 tỷ đồng.

2.2. Vốn nước ngoài: 33,393 tỷ đồng, phân bổ cho 01 dự án khởi công mới.

(Biểu 1, biểu 2, biểu 3, biểu 4, phụ lục 1 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII, Kỳ họp thứ Mười ba thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *VS*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội; Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy Ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, VP.

**CHỦ TỊCH****Hồ Văn Niên**



Biểu 1

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 TỈNH GIA LAI

(Theo Nghị quyết số: 250/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023 Trung ương giao	Kế hoạch năm 2023 địa phương giao	Dự ước thực hiện năm 2023		Dự kiến kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ	Ghi chú
				Tổng số	Tỷ lệ so với địa phương giao			
	Tổng số	4.461.193	4.634.593	4.363.749	94%	4.446.671	95,9	
1	Vốn ngân sách địa phương	2.222.503	2.395.903	2.125.059	89%	2.198.905	91,8	
a	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí	869.503	869.503	869.503	100%	950.334	109,3	Theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết 128/NQ-HĐND ngày 09/11/2020
	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư		441.503	441.503	100%	522.334	118,3	
	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí huyện, thị xã, thành phố đầu tư		428.000	428.000	100%	428.000	100,0	Phân cấp ổn định hàng năm
b	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.200.000	⁽¹⁾ 1.350.000	1.079.156	80%	1.083.571	80,3	
	Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư		510.972	240.128	47%	324.407		
	Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố đầu tư		659.000	659.000	100%	759.164		
c	Xổ số kiến thiết	130.000	150.000	150.000	100%	165.000	110,0	
d	Bộ chi ngân sách địa phương	23.000	23.000	23.000	100%			
e	Nguồn tăng thu năm 2021 dành để đầu tư		3.400	3.400	100%			
2	Vốn ngân sách trung ương	2.238.690	2.238.690	2.238.690	100%	2.247.766	100,4	
a	Vốn trong nước	2.238.690	2.238.690	2.238.690	100%	2.214.373	98,9	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.499.200	1.499.200	1.499.200	100%	1.375.373	91,7	
	Trong đó:		-	-				
+	Đầu tư dự án trọng điểm, liên kết vùng	225.000	225.000	225.000	100%	200.000	88,9	
+	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội	362.000	362.000	362.000	100%			
-	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	739.490	739.490	739.490	100%	839.000	113,5	
	Trong đó:			-				
+	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	380.452	380.452	380.452	100%	436.000		
+	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	65.698	65.698	65.698	100%	66.000		
+	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới	293.340	293.340	293.340	100%	337.000		
b	Vốn nước ngoài		-			33.393		

(1) Có bao gồm 180,028 tỷ đồng chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí khác

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số: 250/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đanh mục đầu tư	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị		Dự kiến Kế hoạch năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số		
	TỔNG SỐ				10.829.103	9.352.103	3.755.518	3.747.401	3.641.045	3.391.045	2.398.905	2.198.905		
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÁN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ		2.621.000	2.027.770	4.236.209	3.659.209	1.863.813	1.863.813	1.196.994	1.196.994	950.334	950.334		
A.1	Vốn trong cán đối theo tiêu chí tình quyết định đầu tư		3.714.469	2.027.770	2.212.971	1.635.971	579.813	579.813	782.694	782.694	522.334	522.334		
A.1.1	Chuẩn bị đầu tư		1.093.469	360.270	116.762	116.762	-	-	13.700	13.700	13.700	13.700		
I	Dự án thoát nước và xử lý nước thải (giai đoạn 1) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	2023-2026	1.093.469	360.270	116.762	116.762			13.700	13.700	13.700	13.700	UBND thành phố Pleiku	
A.1.2	Vốn thực hiện dự án		2.621.000	1.667.500	2.096.209	1.519.209	579.813	579.813	768.994	768.994	508.634	508.634		
I	Quốc phòng		80.000	80.000	80.000	80.000	15.200	15.200	30.000	30.000	30.000	30.000		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024		80.000	80.000	80.000	80.000	15.200	15.200	30.000	30.000	30.000	30.000		
1	Si07	2023-2025	40.000	40.000	40.000	40.000	7.610	7.610	15.000	15.000	15.000	15.000	Bộ CHQS tỉnh	
2	Si06	2023-2025	40.000	40.000	40.000	40.000	7.590	7.590	15.000	15.000	15.000	15.000	Bộ CHQS tỉnh	
II	Khoa học công nghệ		30.000	30.000	30.000	30.000	15.440	15.440	13.620	13.620	13.620	13.620		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024		20.000	20.000	20.000	20.000	10.180	10.180	9.820	9.820	9.820	9.820		

(Chữ ký)



STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn DTCT trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị		Dự kiến Kế hoạch năm 2024		Chủ đầu tư	Chí chủ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
1	Xây dựng và phát triển hạ tầng cơ sở thông tin khoa học công nghệ phục vụ cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)	2023-2024	Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 175/QĐ-SKHCN ngày 20/8/2021	20.000	20.000	20.000	10.180	10.180	9.820	9.820	9.820	9.820	Sở Khoa học Công nghệ	
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			10.000	10.000	10.000	5.260	5.260	3.800	3.800	3.800	3.800		
(1)	Điều tra, bảo tồn một số loài động, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, loài ưu tiên bảo vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai	2023-2025	Nghị quyết số: 403/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 320/QĐ-CCCL ngày 15/7/2021; Quyết định số: 221/QĐ-SKHDT ngày 29/12/2022	10.000	10.000	10.000	5.260	5.260	3.800	3.800	3.800	3.800	Chi cục Kiểm lâm	
III	Bảo vệ môi trường			89.500	50.000	50.000	15.570	15.570	50.000	50.000	34.430	34.430		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			89.500	50.000	50.000	15.570	15.570	50.000	50.000	34.430	34.430		
1	Hồ thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh	2023-2025	Nghị quyết số: 368/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 383/QĐ-UBND ngày 29/6/2021; Quyết định số: 564/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	89.500	50.000	50.000	15.570	15.570	50.000	50.000	34.430	34.430	UBND huyện Chư Păh	Đang ký nhu cầu vượt so với số vốn NST còn lại phải bố trí
IV	Các hoạt động kinh tế			2.359.000	1.453.000	1.304.709	528.293	528.293	654.834	654.834	410.044	410.044		
IV.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản			1.469.000	563.000	573.709	357.200	357.200	270.000	270.000	228.660	228.660		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024			469.000	63.000	63.000	36.790	36.790	20.000	20.000	8.660	8.660		
1	Các dự án Bảo vệ và phát triển rừng	2021-2024	Nghị quyết số: 314/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; Quyết định số: 496/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	424.000	33.000	33.000	15.450	15.450					Sở NN&PTNT	Sở NN&PTNT có văn bản không đăng ký nhu cầu vốn 2024

78

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị		Dự kiến Kế hoạch năm 2024		Chú đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số		
2	Đầu tư xây dựng phục vụ quản lý bảo vệ rừng và phát triển vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng	2022-2024	Nghị quyết số: 405/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 17/QĐ-KBT ngày 28/6/2021	45.000	30.000	30.000	21.340	21.340	20.000	20.000	8.660	8.660	BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng	
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			1.000.000	500.000	510.709	331.119	331.119	220.000	220.000	220.000			
1	Chương trình kiến cổ hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	2021-2025	Nghị quyết số: 280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; Quyết định số: 338/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	1.000.000	500.000	500.000	320.410	320.410	100.000	100.000	100.000	100.000	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết
2	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia					10.709	10.709	10.709	120.000	120.000	120.000	120.000	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề xuất xử lý điều chỉnh nguồn vốn ĐTC trung hạn, giảm vốn tiền sự dụng đất, tăng vốn cân đối tiêu chí
(3)	Dự án khởi công mới năm 2024			440.036	115.064	115.064	6.000	6.000	30.000	30.000	-	-		
1	Dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai", vay vốn ADB	2022-2026	Quyết định số: 164/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số: 104/QĐ-KTTL ngày 25/4/2022	440.036	115.064	344.629	6.000	6.000	30.000	30.000	-	-	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai	chưa ký hiệp định
IV.2	Giao thông			680.000	680.000	421.000	49.710	49.710	329.834	329.834	126.384	126.384		
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024			250.000	250.000	173.000	46.550	46.550	159.834	159.834	126.384	126.384		
1	Đường nội thị thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	2022-2024	Nghị quyết số: 386/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 85/QĐ-UBND ngày 30/6/2021; Quyết định số: 1090/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	130.000	130.000	130.000	46.550	46.550	83.450	83.450	50.000	50.000	UBND thị xã Ayun Pa	Đề xuất điều kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2025 do huy nguồn cân đối tiêu chí

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị		Dự kiến Kế hoạch năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số			
2	Cải tạo nút giao thông Phú Đồng thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	2022-2024	Quyết định số: 194/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	120.000	120.000	43.000			76.384	76.384	76.384	76.384	BQL các DA ĐT XD tỉnh	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2024			430.000	248.000	248.000	3.160	3.160	170.000	-	-	-		
1	Đường Lý Thường Kiệt (đoạn đường Lê Duẩn - đường Dương Minh Châu), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	2024-2026	Nghị quyết số: 396/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	190.000	128.000	128.000	1.400	1.400	80.000	80.000	-	-	UBND thành phố Pleiku	Không bố trí do thiếu nguồn
2	Đường nội thị thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	2024-2026	Nghị quyết số: 349/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	120.000	60.000	60.000	940	940	40.000	40.000	-	-	UBND thị xã An Khê	Không bố trí do thiếu nguồn
3	Đường nội thị huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	2024-2026	Nghị quyết số: 351/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	120.000	60.000	60.000	820	820	50.000	50.000	-	-	UBND huyện Chư Sê	Không bố trí do thiếu nguồn
IV.3	Công nghệ Thông tin			210.000	210.000	210.000	61.383	61.383	35.000	35.000	35.000	35.000		
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024			210.000	210.000	210.000	61.383	61.383	35.000	35.000	35.000	35.000		
1	Xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số	2021-2024	Nghị quyết số: 304/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; Quyết định số: 498/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	140.000	140.000	140.000	602	602	35.000	35.000	35.000	35.000	Sở Thông tin Truyền thông	UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục triển khai dự án tại Công văn số 860/UBND-CN XD ngày 15/4/2023; đang thực hiện thủ tục điều chỉnh Chu trương đầu tư. Dự án đầu tư bằng hai nguồn: 74.346 vốn cân đối + 65.654 tiền sử dụng đất.
2	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia thuộc địa bàn tỉnh Gia Lai	2022-2024	Nghị quyết số: 370/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 161/QĐ-SKHĐT ngày 03/7/2021; Quyết định số: 1081/QĐ-UBND ngày 05/12/2021	70.000	70.000	70.000	60.781	60.781					Sở TNMT	Dự án hoàn thành Sở TNMT có văn bản đề nghị không đăng ký nhu cầu vốn năm 2024

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị		Dự kiến Kế hoạch năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số		
IV.4	Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ...			-		100.000	100.000	60.000	60.000	20.000	20.000	20.000	20.000		
I	Chi cho ngân hàng chính sách					100.000	100.000	60.000	60.000	20.000	20.000	20.000	20.000	Chi nhánh NHCSXH tỉnh Gia Lai	Hàng năm bổ sung 20 tỷ đồng
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.				54.500	54.500	54.500	5.310	5.310	20.540	20.540	20.540	20.540		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024			14.500	14.500	14.500	14.500	4.960	4.960	9.540	9.540	9.540	9.540		
I	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và cải tạo nhà khách cũ thành trụ sở làm việc của Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân tỉnh Gia Lai	2022-2024	Nghị quyết số: 179/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; Quyết định số: 68/QĐ-VP ngày 09/12/2022	14.500	14.500	14.500	14.500	4.960	4.960	9.540	9.540	9.540	9.540	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	
(2)	Dự án khởi công mới năm 2024			48.000	40.000	40.000	40.000	350	350	11.000	11.000	11.000	11.000		
I	Trụ sở UBND huyện Chư Păh	2024-2025	Nghị quyết số: 356/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	24.000	20.000	20.000	20.000	390	390	5.000	5.000	5.000	5.000	UBND huyện Chư Păh	
2	Trụ sở HĐND và UBND huyện Kông Chro	2024-2025	Nghị quyết số: 357/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	24.000	20.000	20.000	20.000	350	350	6.000	6.000	6.000	6.000	UBND huyện Kông Chro	
A.2	Vốn trong cân đối theo tiêu chí huyện, thị xã, thành phố quyết định đầu tư					2.140.000	2.140.000	1.284.000	1.284.000	428.000	428.000	428.000	428.000		Chi tiết tại phụ lục 1
B	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT			4.710.971	3.802.971	6.159.502	5.259.502	1.956.491	1.948.374	2.103.242	1.853.242	1.283.571	1.083.571		
B.1	Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư			4.710.971	3.802.971	3.765.942	2.865.942	711.025	702.908	1.344.078	1.094.078	524.407	324.407		
B.1.1	Quốc phòng			51.650	51.650	51.650	51.650	22.594	14.477	14.915	14.915	14.915	14.915		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			51.650	51.650	51.650	51.650	22.594	14.477	14.915	14.915	14.915	14.915		

Handwritten signature

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị		Dự kiến Kế hoạch năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
1	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	2022-2025	Nghị quyết số: 80/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Quyết định số: 413/QĐ-QK ngày 21/3/2022	51.650	51.650	51.650	51.650	14.477	14.915	14.915	14.915	14.915	Bộ CHQS tỉnh	Năm 2022: bố trí 8.117 triệu đồng từ vốn cân đối NST
B.1.2	Văn hoá Thông tin			200.000	200.000	200.000	200.000	1.460	1.460	1.460	1.460	1.460		
(1)	Dự án khởi công mới năm 2024			200.000	200.000	200.000	200.000	1.460	1.460	1.460	1.460	1.460		
1	Nhà hát, trung tâm triển lãm văn hóa, nghệ thuật và thư viện tổng hợp tỉnh Gia Lai	2022-2024	Nghị quyết số: 413/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 282/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021	200.000	200.000	200.000	200.000	1.460	1.460	1.460	1.460	1.460	BQL các DA ĐTXD tỉnh	Thi tuyển kiến trúc năm 2022, 2023 chưa chọn được.
B.1.3	Bảo vệ môi trường			53.000	45.000	45.000	45.000	120	120	120	53.000	53.000		
(1)	Dự án khởi công mới năm 2024			53.000	45.000	45.000	45.000	120	120	120	53.000	53.000		
1	Cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai	2023-2024	Nghị quyết số: 374/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 197/QĐ-SKHĐT ngày 27/9/2021	53.000	45.000	45.000	45.000	120	120	120	53.000	53.000	Sở Tài nguyên Môi trường	
B.1.4	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính			1.316.321	1.316.321	450.979	450.979	294.277	294.277	-	-	-		
(1)	Các dự án hoàn thành năm 2024			1.316.321	1.316.321	450.979	450.979	294.277	294.277					

Handwritten signature

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị		Dự kiến Kế hoạch năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
1	Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai	2018-2022	Quyết định số: 455/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	1.316.321	1.316.321	450.979	450.979	294.277	294.277				Sở Tài nguyên Môi trường	Dự án cần thực hiện điều chỉnh thời gian; bố trí tối thiểu 10% tổng thu tiền sử dụng đất; Sở TNMT có văn bản không đăng ký nhu cầu vốn 2024 mà đề xuất hướng lập một Dự án mới
B.1.5	Các hoạt động kinh tế			2.474.000	1.574.000	2.058.000	1.158.000	98.930	98.930	767.418	517.418	475.418	275.418	
I.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
I.2	Giao thông			2.474.000	1.574.000	2.058.000	1.158.000	53.930	53.930	767.418	517.418	475.418	275.418	
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024			493.000	493.000	493.000	493.000	240.478	240.478	175.418	175.418	175.418	175.418	
1	Đường giao thông huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	2021-2024	Nghị quyết số: 332/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; Quyết định số: 489/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	90.000	90.000	90.000	90.000	55.000	55.000	35.000	35.000	35.000	35.000	UBND huyện Chư Păh
2	Cải tạo nút giao thông Phư Đồng thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	2022-2024	Quyết định số: 194/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	120.000	120.000	120.000	120.000			42.896	42.896	42.896	42.896	BQL các DA ĐTXD tỉnh
3	Đường phía Đông thị trấn Nhôm Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	2021-2023	Nghị quyết số: 331/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; Quyết định số: 488/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	70.000	70.000	70.000	70.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	UBND huyện Chư Pưh
4	Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	2021-2023	Nghị quyết số: 335/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; Quyết định số: 491/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; Quyết định số: 622/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	30.000	30.000	30.000	30.000	20.000	20.000	10.000	10.000	10.000	10.000	UBND thị xã An Khê

28

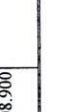
STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn DTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị		Dự kiến Kế hoạch năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Tổng số		
5	Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Van Kiếp - Ngã tư Biển Hồ), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	2021-2023	Nghị quyết số: 317/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; Quyết định số: 486/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	124.000	124.000	124.000	124.000	82.478	41.522	41.522	41.522	41.522	41.522	UBND thành phố Pleiku	Dự án này kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024 do không có vốn bố trí năm 2023
6	Đường giao thông kết nối thị trấn Chư ty đến xã Ia Dok, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	2021-2023	Nghị quyết số: 335/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; Quyết định số: 470/QĐ-UBND ngày 28/5/2021; Quyết định số: 588/QĐ-UBND ngày 05/11/2022	59.000	59.000	59.000	59.000	48.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	UBND Đức Cơ	Dự án này kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024 do không có vốn bố trí năm 2023
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			1.200.000	300.000	1.200.000	300.000	-	350.000	100.000	100.000	300.000	100.000		
1	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19), tỉnh Gia Lai	2022-2025	Quyết định số: 1143/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.200.000	300.000	1.200.000	300.000	-	350.000	100.000	100.000	300.000	100.000	BQL các dự án DTXD tỉnh	Kinh phí để giải phóng mặt bằng từng vốn từ quỹ phát triển đất
(3)	Dự án khởi công mới năm 2024			781.000	781.000	365.000	365.000	8.930	242.000	242.000	242.000	-	-		Không bố trí do thiếu nguồn
1	Đường nội thị thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	2023-2025	Nghị quyết số: 412/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 835/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	40.000	40.000	40.000	40.000	570	20.000	20.000	20.000	-	-	UBND huyện Ia Grai	
2	Đường Lê Thành Tôn (đoạn từ Trường Chinh tri đến Trường Lâm nghiệp), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	2024-2026	Nghị quyết số: 387/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 2340/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	160.000	160.000	50.000	50.000	1.140	40.000	40.000	40.000	-	-	UBND thành phố Pleiku	

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị		Dự kiến Kế hoạch năm 2024		Chú đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
3	Đường nội thị thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	2024-2026	Nghị quyết số: 360/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 37/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	90.000	90.000	45.000	45.000	940	940	20.000	20.000			UBND huyện Kông Chro	
4	Đường giao thông huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	2024-2026	Nghị quyết số: 355/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 287/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	80.000	80.000	40.000	40.000	530	530	20.000	20.000	-		UBND huyện Krông Pa	
5	Đường giao thông huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	2024-2026	Nghị quyết số: 426/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 1426/QĐ-UBND ngày 04/8/2021	75.000	75.000	40.000	40.000	800	800	25.000	25.000			UBND huyện Chư Prông	
6	Đường giao thông huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai	2024-2026	Nghị quyết số: 382/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 1466/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	70.000	70.000	30.000	30.000	510	510	30.000	30.000	-		UBND huyện Đăk Đoa	
7	Đường giao thông huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	2024-2026	Nghị quyết số: 395/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 240/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	70.000	70.000	30.000	30.000	1.580	1.580	15.000	15.000	-		UBND huyện Phú Thiện	
8	Đường liên xã huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai	2024-2026	Nghị quyết số: 354/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 1318/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	70.000	70.000	30.000	30.000	1.710	1.710	30.000	30.000	-		UBND huyện Đăk Pơ	
9	Đường nội thị huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	2024-2026	Nghị quyết số: 422/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 1099/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	66.000	66.000	30.000	30.000	580	580	22.000	22.000			UBND huyện Mang Yang	

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số		
10	Đường nội thị huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	2024-2026	Nghị quyết số: 397/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 212/QĐ-UBND ngày 28/7/2021		60.000	60.000	30.000	570	20.000	20.000			UBND huyện Ia Pa	
B.1.6	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.													
(1)	Các dự án hoàn thành trước năm 2024													
1	Trụ sở làm việc các ban quản lý rừng phòng hộ	2022-2023	Nghị quyết số: 406/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 276/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021; Quyết định số: 255/QĐ-SKHĐT ngày 02/12/2021		12.000	12.000	12.000	8.325	3.675	3.675	3.675	3.675	Ban QL các dự án ĐTXD tỉnh	Dự án này kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024 do không có vốn bố trí năm 2023
2	Hạt kiểm lâm huyện Đak Đoa	2022-2023	Nghị quyết số: 383/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 275/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021; Quyết định số: 257/QĐ-SKHĐT ngày 06/12/2021; Quyết định số: 186/QĐ-SKHĐT ngày 14/11/2022		4.000	4.000	4.000	180	3.820	3.820	3.820	3.820	Ban QL các dự án ĐTXD tỉnh	Dự án này kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024 do không có vốn bố trí năm 2023
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2024													
1	Khu trụ sở làm việc các cơ quan cấp tỉnh	2022-2024	Nghị quyết số: 372/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 283/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021		240.000	240.000	240.000	2.290	237.710	237.710	-	-	BQL các DA ĐTXD tỉnh	Thi tuyển kiến trúc năm 2022, 2023 chưa chọn được
2	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Gia Lai	2024-2025	Nghị quyết số: 348/NQ-HĐND ngày 17/6/2021		20.000	20.000	20.000	310	15.000	15.000	-	-	BQL các DA ĐTXD tỉnh	

STT	Đanh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị		Dự kiến Kế hoạch năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số		
3	Bổ sung có mục tiêu để thành phố Pleiku xây dựng Trụ sở HĐND-UBND thành phố Pleiku	2023-2025			40.000	40.000	40.000		40.000	40.000	-		UBND thành phố Pleiku	
B.1.7	Y tế, dân số và gia đình				300.000	20.000	1.840	1.840	10.000	10.000	-			
(1)	Các dự án KCM năm 2024				300.000	20.000	1.840	1.840	10.000	10.000	-			
1	Xây dựng bệnh viện 331	2024-2026	Nghị quyết số: 417/NQ-HĐND ngày 17/6/2021		300.000	20.000	1.840	1.840	10.000	10.000	-		BQL các DA ĐTXD tỉnh	Giai đoạn 2021-2025 NSDP bố trí 02 nguồn (100 tỷ nguồn xã số + 20 tỷ nguồn sử dụng đất)
B.1.8	Xử lý hạt thu nguồn sử dụng đất				-	624.313	280.699	280.699	-	-	26.579	26.579		
1	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022						13.710	13.710						
1	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia					624.313	98.421	98.421			26.579	26.579	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Phân bổ chi tiết theo nguyên tắc, tiêu chí của các chương trình
2	Hạt thu 2019-2020						168.568	168.568						
B.2	Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố đầu tư					2.393.560	1.245.466	1.245.466	759.164	759.164	759.164	759.164		
I	Tiền sử dụng đất còn lại để đầu tư								759.164	759.164	759.164	759.164		
C	XO SỐ KIẾN THIẾT				689.292	433.392	115.517	115.517	340.809	340.809	165.000	165.000		
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				6.000	6.000	330	330	5.670	5.670	5.670	5.670		
(1)	Các dự án KCM năm 2024				6.000	6.000	330	330	5.670	5.670	5.670	5.670		
1	Trường THPT Trương Chính, huyện Chư Sê	2024	Nghị quyết số: 365/NQ-HĐND ngày 17/6/2021		6.000	6.000	330	330	5.670	5.670	5.670	5.670	BQL các dự án ĐTXD tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị		Dự kiến Kế hoạch năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		
II	Y tế, dân số và gia đình				683.292	673.292	293.292	31.900	305.139	129.330	129.330			
(1)	Các dự án hoàn thành năm 2024				73.292	73.292	73.292	28.153	45.139	45.139	45.139			
I	Khu xạ trị và trang thiết bị - BV đa khoa tỉnh	2023-2024	Nghị quyết số: 420/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Nghị quyết số: 109/NQ-HĐND ngày 15/4/2022; Quyết định số: 447/QĐ-UBND ngày 11/4/2023		73.292	73.292	73.292	28.153	45.139	45.139	45.139		Sở Y tế	
(2)	Các dự án KCM năm 2024				610.000	600.000	220.000	3.050	260.000	84.191	84.191			
1	Xây dựng bệnh viện 331	2024-2026	Nghị quyết số: 417/NQ-HĐND ngày 17/6/2021		300.000	300.000	100.000	-	80.000	39.191	39.191		BQL các DA ĐTXD tỉnh	Giai đoạn 2021-2025 NSDP bố trí 02 nguồn (100 tỷ nguồn xã số + 20 tỷ nguồn sử dụng đất)
2	Xây dựng mới và trang thiết bị y tế cho khối phụ - sản của Bệnh viện Nhi	2024-2026	Nghị quyết số: 384/NQ-HĐND ngày 17/6/2021		200.000	200.000	100.000	1.900	80.000	35.000	35.000		BQL các DA ĐTXD tỉnh	
3	Trung tâm y tế huyện Kbang	2024-2026	Nghị quyết số: 418/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 246/QĐ-UBND ngày 19/7/2021		110.000	100.000	20.000	1.150	100.000	10.000	10.000		UBND huyện Kbang	Đang ký vượt
III	Các hoạt động kinh tế			-	-	-	134.100	83.287	30.000	30.000	30.000			
III.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi			-	-	-	134.100	83.287	30.000	30.000	30.000			
(1)	Dự án khởi công mới năm 2024			-	-	-	134.100	83.287	30.000	30.000	30.000			

STT	Đanh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn DTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị		Dự kiến Kế hoạch năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số		
1	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới					134.100	134.100	83.287	83.287	30.000	30.000	30.000	30.000	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Phân bổ chi tiết theo nguyên tắc, tiêu chí của chương trình
D	Bội chi ngân sách							108.900	108.900						

ĐỀ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024 ĐỐI VỚI DANH MỤC, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TTRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 250/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị		Dự kiến kế hoạch năm 2024		Chức danh tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW								
A	Thực hiện dự án				5.534.000	4.827.000	2.081.030	2.062.230	1.606.906	1.456.906	1.375.373	1.375.373		
I	Quốc phòng				140.000	140.000	81.500	81.500	58.500	58.500	58.500	58.500		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024				140.000	140.000	81.500	81.500	58.500	58.500	58.500	58.500		
I	Khắc phục, sửa chữa Đường từ quốc lộ 14C vào Đồn Biên phòng 731, Trạm kiểm soát 383 - đồn Biên phòng 727; đường từ đường tuần tra biên giới tới các cột mốc trên địa bàn tỉnh Gia Lai	B	2022-2024	Nghị quyết số: 385/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 2096/QĐ-BCH ngày 28/6/2021	140.000	140.000	81.500	81.500	58.500	58.500	58.500	58.500	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	
II	Bảo vệ môi trường				300.000	200.000	4.230	4.230	-	-	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới năm 2024				300.000	200.000	4.230	4.230	-	-	-	-		
I	Kê chống sạt lở Suối Hối Phú (đoạn từ đường Lê Thành Tôn đến đường Nguyễn Trung Trực - Chứa Minh Thánh), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	Nghị quyết số: 414/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 2338/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	300.000	200.000	4.230	4.230					UBND thành phố Pleiku	Đã chưa được phê duyệt; TP Pleiku không đăng ký vốn
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi				1.129.000	822.000	188.480	169.680	237.225	237.225	237.225	237.225		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024				524.000	227.000	104.680	89.230	52.225	52.225	52.225	52.225		
I	Các dự án Bảo vệ và phát triển rừng	B	2021-2024	Nghị quyết số: 314/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; Quyết định số: 496/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	424.000	127.000	101.680	86.230	22.225	22.225	22.225	22.225	Sở NN&PTNT	

Handwritten signature

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị		Dự kiến kế hoạch năm 2024		Chú đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
2	Hồ chứa nước la Prat, xã Ia Khrol, huyện Chư Păh	B	2021-2024	Nghị quyết số: 312/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; Quyết định số: 108/QĐ-KTTL ngày 28/4/2021	100.000	100.000	3.000	3.000	30.000	30.000	30.000	UBND huyện Chư Păh		
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				120.000	110.000	71.600	68.250	25.000	25.000	25.000			
1	Đầu tư phát triển rừng bền vững Vườn quốc gia Kon Ka Kinh và Nâng cao năng lực PCCC rừng cho lực lượng kiểm lâm và năng lực quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	B	2022-2025	Nghị quyết số: 428/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 361/QĐ-SNNPTNT ngày 29/6/2021	120.000	110.000	71.600	68.250	25.000	25.000	25.000	Sở NN&PTNT		
(3)	Dự án khởi công mới năm 2024				485.000	485.000	12.200	12.200	160.000	160.000	160.000			
1	Xây dựng các hồ chứa nước và hoàn thiện thống kênh mương thủy lợi		2023-2026	Nghị quyết số: 429/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 420/QĐ-BOLDA ngày 17/8/2021	485.000	485.000	12.200	12.200	160.000	160.000	160.000	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai		
IV	Giao thông				3.865.000	3.565.000	1.805.390	1.805.390	1.280.181	1.130.181	1.048.648			
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024				260.000	260.000	613.299	613.299	107.760	107.760	107.760			
1	Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Trường Chinh - Lê Thánh Tôn), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	B	2022-2024	Nghị quyết số: 411/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 1136/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	260.000	260.000	152.240	152.240	107.760	107.760	107.760	UBND thành phố Pleiku		
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				3.270.000	2.970.000	1.187.431	1.187.431	987.421	837.421	834.888			

78

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị		Dự kiến kế hoạch năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW								
1	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19), tỉnh Gia Lai	B	2022-2025	Quyết định số: 1143/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.200.000	900.000	492.000	492.000	350.000	200.000	200.000	200.000	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai	Dự án có hai nguồn: 200 tỷ đồng (NSTW) + 150 tỷ đồng (NSDP)
2	Đường nội thị huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	Quyết định số: 1096/QĐ-UBND ngày 8/12/2021	90.000	90.000	31.580	31.580	28.420	28.420	28.420	28.420	UBND huyện Phú Thiện	
3	Đường liên xã huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	Quyết định số: 1091/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	100.000	100.000	65.322	65.322	37.168	37.168	34.678	34.678	UBND huyện Chư Păh	
4	Đường giao thông kết nối các xã Ia Mlah, Phú Cấn và thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	Nghị quyết số: 353/NQ-HĐND ngày 17/6/2021.; Quyết định số: 259/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	90.000	90.000	63.210	63.210	26.833	26.833	26.790	26.790	UBND huyện Krông Pa	
5	Đường từ xã Yang Nam đi xã Chơ Long, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	Quyết định số: 558/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	100.000	100.000	31.540	31.540	20.000	20.000	20.000	20.000	UBND huyện Kông Chro	
6	Đường nối từ Quốc lộ 19 (đường Quang Trung) đi đường Vành Đai phía bắc thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	Quyết định số: 12/QĐ-UBND ngày 13/01/2023	150.000	150.000	39.089	39.089	60.000	60.000	60.000	60.000	UBND thị xã An Khê	
7	Đường liên xã huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	Quyết định số: 433/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	100.000	100.000	31.650	31.650	40.000	40.000	40.000	40.000	UBND huyện Đức Cơ	
8	Đường liên xã huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	B	2023-2026	Quyết định số: 589/QĐ-UBND ngày 05/11/2022.; Quyết định số: 486/QĐ-UBND	120.000	120.000	32.790	32.790	30.000	30.000	30.000	30.000	UBND huyện Ia Grai	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị		Dự kiến kế hoạch năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
9	Đường liên xã huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	Nghị quyết số: 376/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 1425/QĐ-UBND ngày 04/8/2021	110.000	110.000	33.350	33.350	40.000	40.000	40.000	40.000	UBND huyện Chư Prông	Chưa có QĐ DA
10	Đường liên xã huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	Nghị quyết số: 392/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 136/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	100.000	100.000	31.870	31.870	50.000	50.000	50.000	50.000	UBND huyện Chư Sê	Chưa có QĐ DA
11	Đường liên xã huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	Quyết định số: 535/QĐ-UBND ngày 02/5/2023	90.000	90.000	32.040	32.040	30.000	30.000	30.000	30.000	UBND huyện Mang Yang	
12	Đường liên xã huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	Quyết định số: 632/QĐ-UBND ngày 02/6/2023	100.000	100.000	31.910	31.910	35.000	35.000	35.000	35.000	UBND huyện Đăk Đoa	
13	Đường liên xã huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	Quyết định số: 718/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	90.000	90.000	30.950	30.950	30.000	30.000	30.000	30.000	UBND huyện Ia Pa	
14	Đường liên xã huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	Quyết định số: 751/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	90.000	90.000	31.270	31.270	30.000	30.000	30.000	30.000	UBND huyện Chư Pưh	
15	Đường giao thông huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	Quyết định số: 1317/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	90.000	90.000	31.350	31.350	30.000	30.000	30.000	30.000	UBND huyện Đăk Pơ	Chưa có QĐ DA
16	Đường liên huyện Mang Yang - Ia Pa, đường Tỉnh 669 và đường từ thành phố Pleiku đi trung tâm huyện Đăk Đoa	B	2023-2026	Quyết định số: 744/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	650.000	650.000	177.510	177.510	150.000	150.000	150.000	150.000	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai	
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2024				335.000	335.000	4.660	4.660	185.000	185.000	106.000	106.000		

Handwritten signature

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Dự kiến Nhu cầu năm 2024 của các đơn vị		Dự kiến kế hoạch năm 2024		Chú đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1	Đường vành đai 1 (Quốc lộ 25 - cầu Ia Hiao) thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	B	2024-2026	Nghị quyết số: 394/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 124/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	200.000	200.000	2.250	2.250	50.000	50.000	50.000	50.000	UBND thị xã Ayun Pa	
2	Đường liên xã huyện Khang, tỉnh Gia Lai	B	2024-2026	Nghị quyết số: 398/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 245/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	135.000	135.000	2.410	2.410	135.000	135.000	56.000	56.000	UBND huyện Khang	
✓	Khu công nghiệp, khu kinh tế				100.000	100.000	1.430	1.430	31.000	31.000	31.000	31.000		
(1)	Dự án KCM năm 2024				100.000	100.000	1.430	1.430	31.000	31.000	31.000	31.000		
1	Hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lê Thanh, tỉnh Gia Lai	B	2022-2025	Nghị quyết số: 388/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; Quyết định số: 75/QĐ-BQLKKT ngày 30/6/2021	100.000	100.000	1.430	1.430	31.000	31.000	31.000	31.000	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai	Đang triển khai các thủ tục điều chỉnh Chủ trương Dự án

78

ĐỰ KIẾN NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số: 250/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng																								
ST T	Đanh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hợp định	Số quyết định	Quyết định đầu tư										KH đầu tư trong hạn giải đoạn 2021-2025				Dự kiến nhu cầu KH năm 2024				Ghi chú
						TMBT										Tổng số				Tổng số				
						Trong đó:																		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)														
										Trong đó: vốn NSTW		Tích bằng nguyên tệ		Quy đổi ra tiền Việt										
Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó: vốn ngoài (vốn NSTW cấp phát)					Tổng số	Trong đó: thu hút các khoản vốn ứng trước													
	TỔNG SỐ					440.036	115.064	0	0	324.979	229.570	95.409	344.629	0	0	229.565	33.393	0	0	33.393				
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, (thủy lợi)					440.036	115.064	-		324.979	229.570	95.409	344.629	-	-	229.565	33.393	-	-	33.393				
4	Đanh mục dự án khác công mới năm 2024																							
6	Dự án nhóm B																							
(1)	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai	7888240	Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)		Quyết định số: 164/QĐ-TTg, ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ	440.036	115.064		14,031 triệu USD	324.979	229.570	95.409	344.629			229.565	33.393			33.393	- Dự án đang trình phê duyệt, chưa ký Hiệp định vay; - Dự kiến vốn kế hoạch năm 2024 là 47.705 tỷ đồng, trong đó: + Vốn trung ương cấp phát: 33.393 tỷ đồng; + Vốn tỉnh vay lại: 14.312 tỷ đồng.			

(Handwritten signature)



Phụ lục 1

**KẾ HOẠCH VỐN TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ
HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ ĐẦU TƯ NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số: 250/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	2.140.000	428.000	
1	Thành phố Pleiku	271.840	54.368	
2	Thị xã An Khê	115.370	23.074	
3	Thị xã Ayun Pa	115.385	23.077	
4	Huyện K'Bang	116.130	23.226	
5	Huyện Đak Đoa	125.585	25.117	
6	Huyện Chư Păh	115.695	23.139	
7	Huyện Ia Grai	123.815	24.763	
8	Huyện Mang Yang	110.440	22.088	
9	Huyện Kông Chro	127.250	25.450	
10	Huyện Đức Cơ	106.770	21.354	
11	Huyện Chư Prông	141.845	28.369	
12	Huyện Chư Sê	152.915	30.583	
13	Huyện Đăk Pơ	81.185	16.237	
14	Huyện Ia Pa	107.980	21.596	
15	Huyện Krông Pa	132.055	26.411	
16	Huyện Phú Thiện	98.475	19.695	
17	Huyện Chư Pưh	97.265	19.453	

Handwritten signature